TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1187/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 28-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Kim Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đoàn Văn Rỹ**

2. Bà **Nguyễn Thị Năm**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Lê Ngọc Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Tuyết Trinh** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1050/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Khánh T**, sinh năm 1979; cư trú tại: Đường G, Phường L, Quận F, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh **Lê Đức H**, sinh năm 1981; cư trú tại: Đường C, Phường O, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 17/10/2017 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - chị Bùi Thị Khánh T trình bày: Chị và anh Lê Đức H kết hôn từ năm 2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 01/2007 ngày

14/5/2007 tại Ủy ban nhân dân Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên đã sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Nay, chị T xác định không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên Lê Thị D, sinh ngày 05/02/2009, hiện đang sống cùng với chị T. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai ngày 23/11/2017, bị đơn - anh Lê Đức H trình bày: Anh xác nhận anh và chị T kết hôn năm 2007 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên giận nhau và hiện đã sống ly thân nên anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng có 01 con chung tên Lê Thị D, sinh ngày 05/02/2009, hiện cháu đang sống cùng với mẹ. Anh H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn – chị Bùi Thị Khánh T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn – anh Lê Đức H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Bùi Thị Khánh T và anh Lê Đức H có đăng ký kết hôn, chị T yêu cầu ly hôn với anh H, xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "tranh chấp ly hôn".

Bị đơn đang cư trú tại Quận 8 (theo kết quả xác minh của Công an Phường 15, Quận 8) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn - chị Bùi Thị Khánh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị T.

Đối với bị đơn - anh Lê Đức H, Tòa án đã triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng anh H vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường O, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/5/2007, cùng lời khai của chị T, anh H về việc anh chị tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị T, anh H là hôn nhân hợp pháp.

Chị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và anh H cũng đồng ý, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên Lê Thị D, sinh ngày 05/02/2009. Cả hai đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi là căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Chị T có chỗ ở, có thu nhập ổn định 15.000.000đ/tháng (Mười lăm triệu đồng một tháng) từ công việc kế toán tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lâm Dung (có xác nhận lương của Công ty). Anh H có yêu cầu được trực tiếp nuôi con nhưng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh đủ điều kiện nuôi con như về chỗ ở, về thu nhập…. Mặt khác, hiện trẻ D đang

sống cùng chị T (có xác nhận của Công an Phường L, Quận F) và trẻ cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng với mẹ. Do đó, để giữ sự ổn định đời sống của trẻ, để trẻ có được sự phát triển tốt nhất và có xem xét đến nguyện vọng của trẻ nên việc chấp nhận yêu cầu của chị T cũng như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát giao trẻ D cho chị T nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Khánh T về việc xin ly hôn với anh Lê Đức H.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Khánh T được ly hôn với anh Lê Đức H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 107, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/5/2007).

- Về con chung: Chị Bùi Thị Khánh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị D, sinh ngày 05/02/2009.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

Anh Lê Đức H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Bùi Thị Khánh T phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013531 ngày 01/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị Bùi Thị Khánh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Khánh T và anh Lê Đức H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- UBND Phường O, Quận H;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Đặng Thị Kim Nguyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**